



sōng shǔ

松鼠

noun · squirrel

Example Sentences

sōng shǔ zài shù shàng chī jiān guǒ

松鼠在树上吃坚果。

The squirrel is eating nuts in the tree.

gōng yuán lǐ yǒu hěn duō kě ài de sōng shǔ

公园里有很多可爱的松鼠。

There are many cute squirrels in the park.

Trace each character, then write the word on your own.

松	松	松	松	松	松	松	松	松	松	松
鼠	鼠	鼠	鼠	鼠	鼠	鼠	鼠	鼠	鼠	鼠
鼠	鼠	鼠	鼠	鼠						